TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07**/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 30/7/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Hền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tòng Văn Hưng và ông Mùa A Phếnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H; sinh năm 1998;

Địa chỉ: Bản M, xã Th H, Hện Đ, tỉnh B (nay là Bản M, xã Th N, tỉnh Đ), *có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Anh Lò Văn K; sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Bản M, xã Th L, Hện Đ, tỉnh B (nay là Bản M, xã Th N, tỉnh Đ).

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 7, phân trại số 01, trại giam Nà Tấu; địa chỉ: Xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên, *vắng mặt có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2025 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Luông ngày 12/4/2017. Sau khi đăng ký và cưới hỏi theo phong tục tập quán tôi và anh K đã về ở tại Bản Món, xã Thanh Luông, Hện Điện Biên, tỉnh Điện Biên làm ăn kinh tế và ở cùng bố mẹ anh K, vợ cH sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K đua đòi theo chúng bạn dẫn đến nghiện ma tuý. Bản thân tôi và gia đình đã nhiều lần động viên để cho anh K đi cai nghiện, nhưng anh K không chịu cai

nghiện ma tuý. Đến đầu năm 2020 sau khi hai vợ cH mâu thuẫn tôi đã bỏ về bên bố me tôi ở cho tới nay. Đến ngày 24/7/2020 do anh K mua bán và sử dụng ma tuý và bị Công an bắt, Toà án xét xử anh K đi chấp hành án tại Trại Giam Nà Tấu với mức hình phạt 07 năm 06 tháng tù giam, bản thân tôi cũng đã thấy anh K đi chấp hành án thời gian quá dài, từ khi anh K chưa đi chấp hành án giữa tôi với anh K thực sự không còn yêu thương và chăm sóc cho tôi được. Tôi làm đơn này đề nghị Tòa án Hện Điện Biên tạo mọi điều kiện giải Q theo đơn đề nghị tôi đã gửi Tòa án, anh K không tôn trọng cơ quan pháp luật không có ý kiến về việc tôi yêu cầu ly hôn về việc tôi làm đơn ly hôn anh K. Từ khi tôi về bên mẹ tôi ở cho đến trước khi anh K bị bắt bản thân anh K không gọi điện hỏi thăm và mong muốn vợ cH về đoàn. Nay tôi làm đơn gửi Toà án giải Q cho vợ cH tôi có ý kiến như sau: Về tình cảm tôi yêu cầu Tòa án nhân dân Hện Điện Biên giải Q cho tôi được ly hôn với anh K để tôi còn ổn định cuộc sống nuôi con.

2. Về con chung: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn K có 02 con chung, cháu thứ nhất là Lò Minh Q, sinh 16/02/2014; cháu thứ hai là Lò Đức H, sinh ngày 13/01/2018. Nguyện vọng của chị H sau khi ly hôn chị H xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải Q.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị H khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Hện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Khu vực 2 - Điện Biên) đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị H cho anh Lò Văn K biết để anh K thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại biên bản tự lời khai của đương sự đề ngày 13 tháng 6 năm 2025 bị đơn anh Lò Văn K trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh Lò Văn K và chị Lò Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Luông, Hện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên) vào ngày 12/4/2017, anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nay chị H có đơn ly hôn, anh K không nhất trí.

Nếu chị H cương Q ly hôn thì phải trả toàn bộ tiền cưới là 50.000.000 đồng thì anh K mới đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Anh Lò Văn K và chị Lò Thị H có 02 con chung, cháu thứ nhất là Lò H Q, sinh ngày 16/02/2014; cháu thứ hai là Lò Đức H, sinh ngày 13/01/2018. Nếu cô H cương Q ly hôn, anh K không nhất trí giao hai con chung cho cô H nuôi, anh K xin nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Toà án giải Q;

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng: Anh K khai không có và không yêu cầu Toà án giải Q.

Chị Lò Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên giải Q cho chị được ly hôn với anh Lò Văn K và nuôi hai con chung theo nội dung đơn xin ly hôn chị H đã trình bày. Anh K có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị H yêu cầu Tòa án giải Q cho chị được ly hôn anh Lò Văn K. Đây là vụ án về Ly hôn. Anh K hiện nay đang chấp hành án tại Đội 7, phân trại số 01, trại giam Nà Tấu; địa chỉ: Xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên, trước khi bị bắt anh K có địa chỉ tại: Bản Món, xã Thanh Luông, Hện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Bản Món, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên) nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên được thụ lý trước ngày 01/7/2025 sẽ thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

Bị đơn đang chấp hành án trong trại tạm giam Nà Tấu nên quá trình giải Q Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn K có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Luông, Hện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là UBND xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên) vào ngày 12/4/2017, anh chị kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đã tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên quan hệ giữa chị H và anh K là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ cH có hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ cH bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến ngày 24/7/2020 do anh K mua bán và sử dụng ma tuý và bị Công an bắt, Toà án xét xử anh K đi chấp hành án tại Trại Giam Nà Tấu với mức hình phạt 07 năm 06 tháng tù giam về tội "Vận cHển trái phép chất ma tuý" (Hiện đang chấp hành án Trại tạm Nà tấu. HĐXX thấy rằng bản thân anh K đã không làm tròn trách nhiệm của người cH, người cha dẫn đến tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào

qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H.

Anh K yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả anh K 50.000.000 đồng tiền cưới, nếu chị H không trả thì anh K không nhất trí lý hôn. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18/7/2025 của chị H có trình bày như sau: Sau khi chị H được tiếp cận bản tự khai của anh K đòi chị H phải trả 50.000.000 đồng tiền cưới. Việc cưới hỏi cả hai gia đình cùng tổ chức cưới, khách của hai họ cùng ăn, gia đình chị H cũng phải bỏ tiền ra mua đồ ăn. Tiền 50.000.000 đồng chị H không được tự mình chi tiêu, đến nay anh K yêu cầu chị H trả 50.000.000 đồng chị H không nhất trí trả anh K số tiền trên. Chị H đề nghị Toà án không giải Q vì không có chứng cứ gì chứng minh. HĐXX xét thấy việc anh Kiên yêu cầu chị H trả 50.000.000 đồng không có căn cứ, do vậy HĐXX không chấp nhận.

[2.2] Xét về con chung: Chị H và anh K có có 02 con chung, cháu thứ nhất là Lò Minh Q, sinh 16/02/2014; cháu thứ hai là Lò Đức H, sinh ngày 13/01/2018. Nguyện vọng của chị H sau khi ly hôn chị H xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải Q.

Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Anh K cũng xin nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại anh K đang phải chấp hành án, anh K không thể có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Q và cháu H và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao hai con chung cho chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại anh K đang chấp hành án không có khả năng cấp dưỡng nên HĐXX chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị H khai không có. HĐXX không xem xét.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Chị Lò Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo thông báo số 262 ngày 23/5/2025 (MTBIFSG5Q76PN) chị H đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị H với anh Lò Văn K.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu thứ nhất là Lò Minh Q, sinh 16/02/2014; cháu thứ hai là Lò Đức H, sinh ngày 13/01/2018 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Toà án giải Q.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể Q định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không có.

Không chấp nhận việc anh Lò Văn K yêu cầu chị Lò Thị H trả số tiền cưới 50.000.000 đồng, vì không có căn cứ.

4. Về án phí: Chị Lò Thị H chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị H đã nộp án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lò Thị H và anh Lò Văn K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDKV2ĐB;
- UBND xã Thanh Nưa,
, tỉnh ĐB (nơi Đký kết hôn);
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Lưu VP
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thương Hền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Trần Thị Thương Hền